

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 6 – 2026

*"V/v: Ly hôn giữa chị Gấm với
anh Sơn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Mười.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Huyền – Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên.

2. Bà Hoàng Thị Thu Thủy – Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Quang Đích – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 30/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Khiếu Thị G, sinh năm 1994, số CCCD 034194017067, vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ hiện nay: GR-115- NYANIBA ESTAE OSU - ACCRA, REPUBLIC OF GHANA.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Anh S, sinh năm 1995, số CCCD 033095011697, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, tỉnh Hưng Yên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Hoàng Huyền A, sinh ngày 27/7/2018, có mặt; và cháu Hoàng A, sinh ngày 29/11/2020.

Người đại diện cho các cháu là anh Hoàng Anh S, sinh năm 1995, là bố các cháu.

Đều có địa chỉ: Thôn Q, xã N, tỉnh Hưng Yên.

- *Người làm chứng:* Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1967, là bố anh S, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị G trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Anh S ngày 06/12/2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh S tại thôn Q, xã L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh S không chịu làm ăn, chơi bời, chị và gia đình khuyên ngăn nhưng không được, chị về ở nhà mẹ đẻ tại xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên) từ đầu năm 2022, vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân mẹ đẻ chị bị ốm, anh S xuống xảy ra cãi nhau, anh S đánh chị và dọa giết chị. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không thể cứu vãn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Hoàng Huyền A, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Hoàng A, sinh ngày 29/11/2020, hiện nay các cháu đang ở với anh S. Nếu ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cho anh S nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu, do chị đi xuất khẩu lao động, nên chưa có điều kiện nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) mỗi tháng (mỗi cháu là 2.500.000 đồng) cho hai cháu, kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh S chưa có tài sản chung. Về vay nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ. Về ruộng nông nghiệp: Vợ chồng không có ruộng nông nghiệp. Về công sức và các vấn đề khác: Chị xác định vợ chồng không có công sức gì với hai bên gia đình, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

2. Bị đơn anh S trình bày: Về hình thức kết hôn như chị G trình bày trên là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng anh S xác định chị G trình bày không đúng, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, nhưng không xảy ra đánh cãi nhau, năm 2022 anh có đánh chị G do mẹ chị ốm nằm viện, nhưng chị không chăm sóc mà vẫn đi tổ chức sinh nhật, nên mới xảy ra xô sát. Tháng 08/2023 chị G có bàn bạc với anh đi xuất khẩu lao động, từ đó đến nay không về, không liên lạc gì với chồng, con và gia đình từ đó đến nay. Vợ chồng mất liên lạc không có kết nối, không có thông tin gì với nhau, chị G cũng không gửi tiền về để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Hiện nay chị G yêu cầu ly hôn, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, không có quan tâm hỏi thăm gì nhau, nhưng anh đề nghị do vẫn cần các con có mẹ, nên anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên anh xác định không có phương án để vợ chồng đoàn tụ chung sống.

Về con chung: Anh S xác định vợ chồng sinh được hai cháu như trên là đúng, nếu ly hôn anh đề nghị nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh xác định đang làm công nhân, mức thu nhập khoảng 16.000.000 đồng mỗi tháng, có đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu. Việc chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con anh không có ý kiến gì, từ khi chị G bỏ đi đến nay anh đều nuôi

dưỡng hai cháu mà không cần chị G cấp dưỡng.

Về tài sản chung, về nợ, công sức: Anh S xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay nợ, không có đóng góp gì với hai bên gia đình. Anh S tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* cháu Hoàng Huyền A trình bày: Cháu đề nghị Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu về ở với nhau, hiện nay cháu đang ở nhà với bố cháu và ông bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu ở với bố cháu; còn sau này mẹ cháu về, cháu ở với ai thì tùy bố mẹ cháu.

Đối với cháu Hoàng A do chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy lời khai của cháu theo quy định pháp luật.

4. *Người làm chứng, ông Hoàng Văn M trình bày:* Ông là bố đẻ anh S, anh chị kết hôn sau đó chung sống cùng vợ chồng ông, anh chị chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ, sau đó lại bình thường. Năm 2023 chị G đi nước ngoài đến nay, hiện nay chị G yêu cầu ly hôn ông nhất trí vì giữ người ở lại, không giữ người đi.

Về con chung của anh chị, ông xác định anh chị có hai con chung như trên, hiện các cháu đang ở với anh S và vợ chồng ông. Nếu anh chị ly hôn ông đề nghị giao các cháu cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ, anh chị không có liên quan gì đến gia đình ông.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận chứng cứ công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Do nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu vắng mặt, nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Khiếu Thị G, cho chị Khiếu Thị G ly hôn anh Hoàng Anh S.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Huyền A, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Hoàng A, sinh ngày 29/11/2020 cho anh S nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) mỗi tháng (mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng) cho hai cháu, kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu, người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con, thì phải chịu lãi suất, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên nhận định;

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị G yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung. Yêu cầu của chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị G kết hôn với anh S ngày 06 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên). Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt hằng ngày vợ chồng không chia sẻ với nhau trong cuộc sống, từ năm 2022 chị gấm đã về gia đình mẹ đẻ chung sống, khi anh S xuống thăm đã xảy ra xô sát giữa hai vợ chồng. Từ năm 2023 chị G đi xuất khẩu lao động anh chị không còn quan tâm đến nhau, không thăm hỏi, liên lạc, động viên quan tâm nhau. Tại phiên tòa anh S cũng xác định không còn tình cảm với chị G, không có phương án đoàn tụ vợ chồng, việc anh chưa đồng ý ly hôn là do anh muốn các con của anh có mẹ. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; việc anh S xác định các con của anh cần có mẹ, theo quy định của pháp luật thì chị G vẫn là mẹ của các cháu; còn quyền ly hôn là quyền nhân thân liên quan đến anh chị; việc anh S xác định không còn tình cảm nhưng không đồng ý ly hôn là không có căn cứ chấp nhận; do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị G, cho chị ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Huyền A, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Hoàng A, sinh ngày 29/11/2020; hiện nay hai cháu đang do anh S nuôi dưỡng. Anh S đề nghị nếu ly hôn giao cả 02 cháu cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, hiện nay chị G đi xuất khẩu lao động, do vậy anh S yêu cầu nuôi dưỡng cả hai cháu là phù hợp, nên sẽ giao cả hai cháu cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, mặc dù anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con như trình bày trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị G có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3]. *Về tài sản chung vợ chồng, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức:* Anh chị tự nguyện không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Áp dụng*: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. *Xử*: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Khiếu Thị G, cho chị Khiếu Thị G ly hôn anh Hoàng Anh S.

Về con chung: Giao cháu cháu Hoàng Huyền A, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Hoàng A, sinh ngày 29/11/2020 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) mỗi tháng (mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng) cho hai cháu, kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu, người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con, thì phải chịu lãi suất, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Khiếu Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ với 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 633 ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị G còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt Bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự; UBND đã đăng ký kết hôn;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- THA Dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Mười

